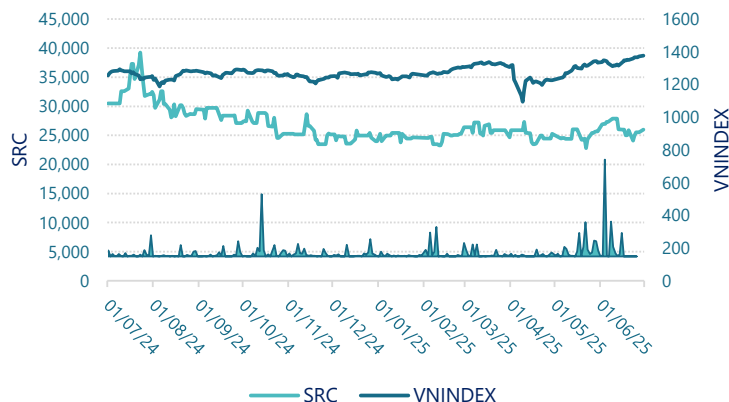




CTCP Cao su Sao vàng (HSX: SRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,236
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,799
SL cổ phiếu LH	28,063,368
KLGD BQ 20 phiên (CP)	585
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	730
P/E	39.2
EPS	664

DT thuần

Q2/25

376

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 115 | 43.9%

YoY: ▲ 48.0 | 14.5%

LN sau thuế

Q2/25

8.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.38 | 200%

YoY: ▼ 106 | -92.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.1%

+/- YoY: ▼ 51.2%

DT thuần

6T 2025

637

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 134 | 26.5%

LN sau thuế

6T 2025

10.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 106 | -90.8%

ROE

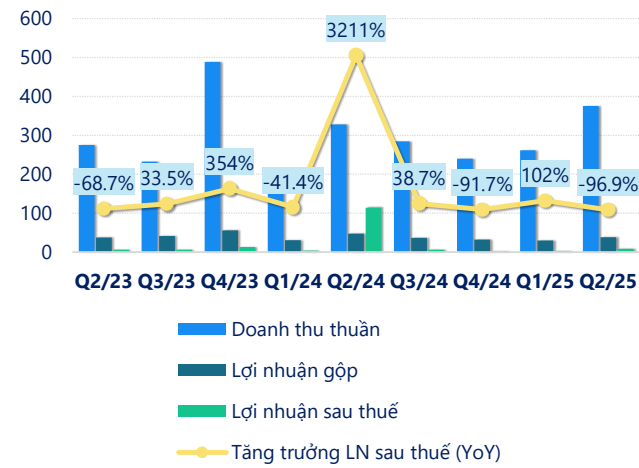
Q2/25

3.4%

+/- YoY: ▼ 24.9%

tỷ VNĐ

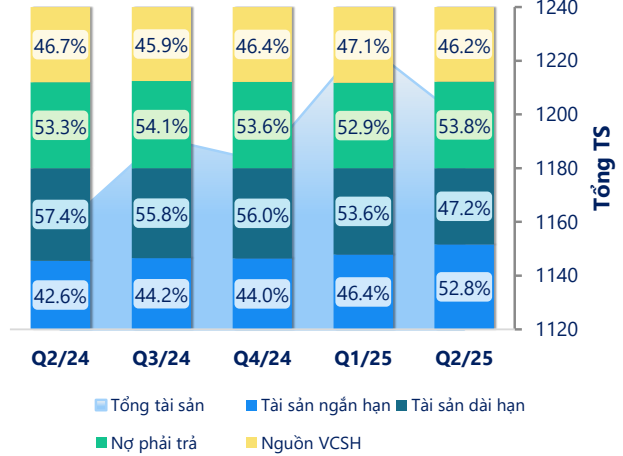
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

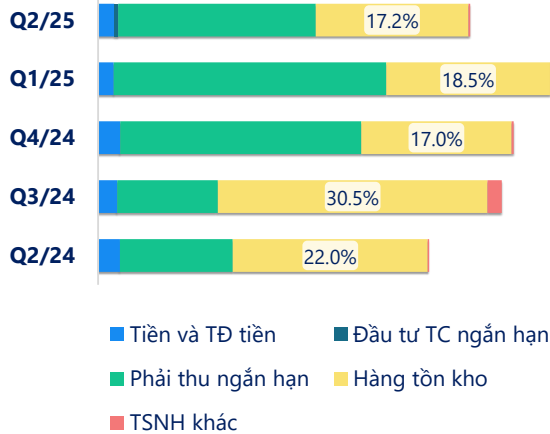
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



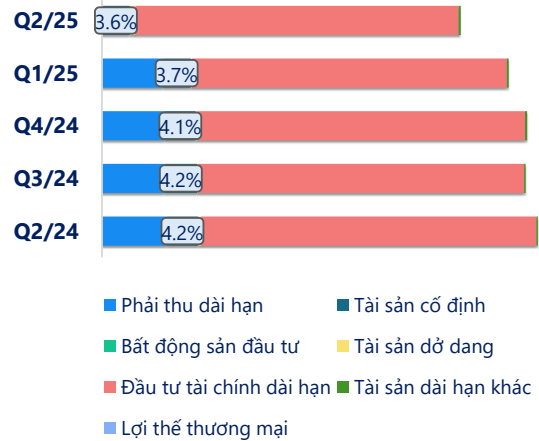
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

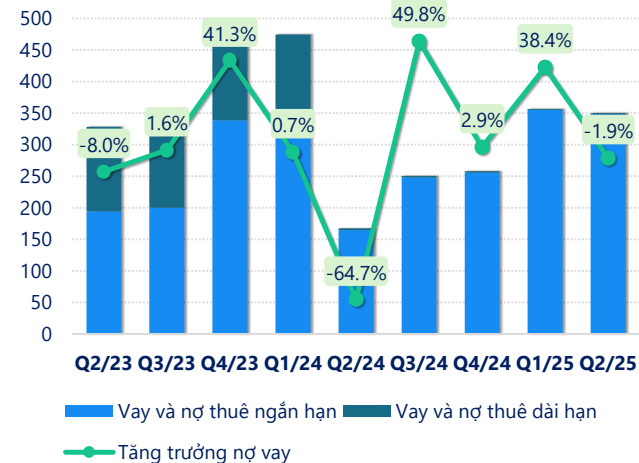
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

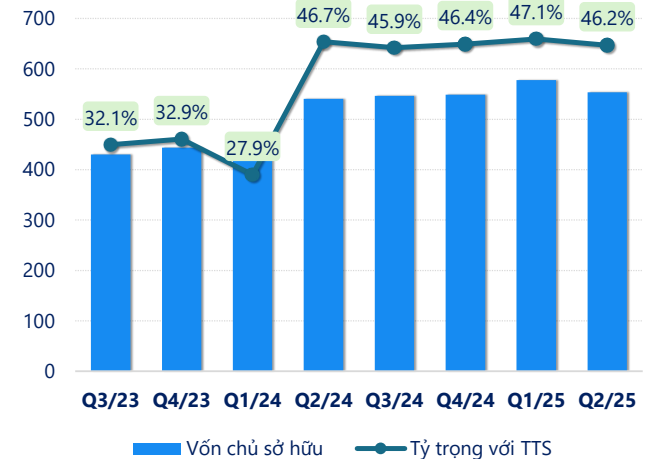
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

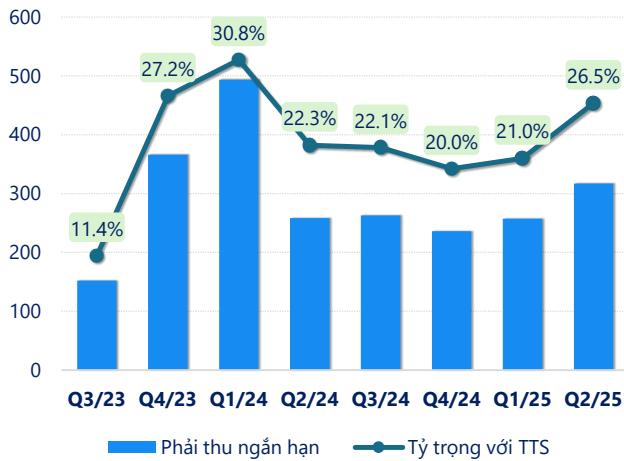
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



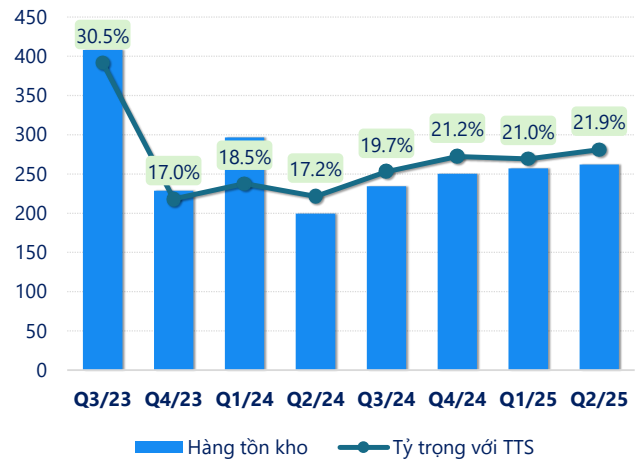
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


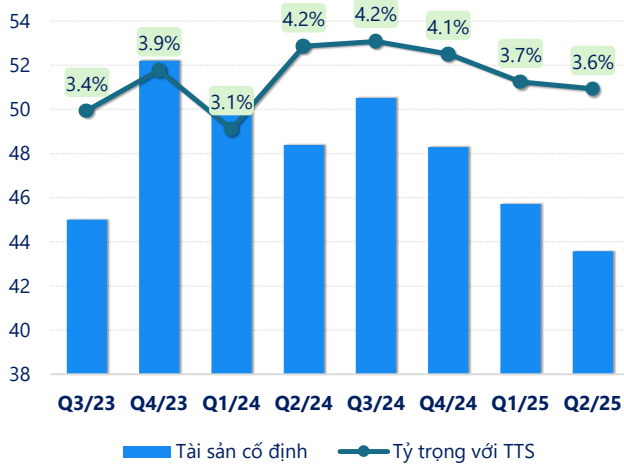
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


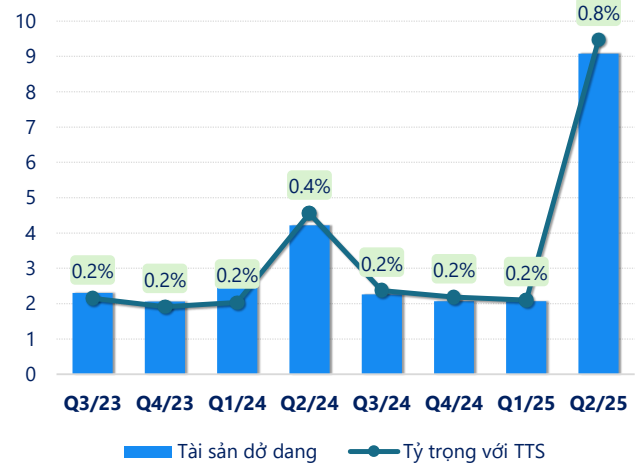
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

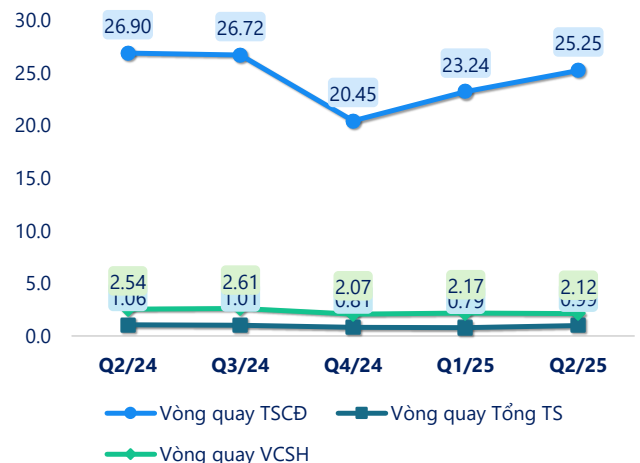
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,157	1,191	1,183	1,227	1,198
Tài sản ngắn hạn	493	527	521	570	632
Tiền và tương đương tiền	28.5	25.6	29.7	21.5	21.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	258	263	236	258	317
Hàng tồn kho	199	234	250	257	262
Tài sản ngắn hạn khác	2.45	4.30	4.56	33.8	31.4
Tài sản dài hạn	664	664	662	657	566
Phải thu dài hạn	98.4	98.4	97.8	97.8	0.24
Tài sản cố định	48.4	50.5	48.3	45.7	43.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.22	2.26	2.07	2.07	9.08
Đầu tư tài chính dài hạn	511	511	511	509	510
Tài sản dài hạn khác	2.35	2.47	3.12	2.88	3.05
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	617	645	634	649	644
Nợ ngắn hạn	464	493	482	498	493
Vay và nợ thuê ngắn hạn	165	248	256	355	348
Phải trả người bán ngắn hạn	191	160	148	80.8	91.9
Nợ dài hạn	152	152	152	152	151
Vay và nợ thuê dài hạn	2.63	2.37	2.12	1.77	1.64
Nguồn vốn chủ sở hữu	541	546	549	578	554
Vốn chủ sở hữu	541	546	549	578	554
Vốn điều lệ	281	281	281	281	281
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)